

1) 点線枠内を不動産会社様にご記入ください。*特別永住者および永住者の方は、本紙は不要です。

取扱店CD : 062977

お申込者様名	物件名・号室
--------	--------

株式会社リパティ池善
四条支店

送信先FAX : 075-221-3701

2) お客様に下記①～④をご記入いただきください。



・ 母国親族連絡先 ・ Family Contact number in the home country ・ 母国亲属（家族或亲戚）的联络方式 ・ 모국친족(가족이나 친척)의연락처 ・ Số điện thoại của người thân trong gia đình tại mẫu quốc ・ Número de telefone de familiar para contato no país de origem	お名前 ・ Name ・ 姓名 ・ 성명 ・ Họ tên ・ Nome ①
・ 母国親族連絡先 ・ Family Contact number in the home country ・ 母国亲属（家族或亲戚）的联络方式 ・ 모국친족(가족이나 친척)의연락처 ・ Số điện thoại của người thân trong gia đình tại mẫu quốc ・ Número de telefone de familiar para contato no país de origem	ご住所 ・ Home address ・ 地址 ・ 주소 ・ Địa chỉ ・ Endereço ②
・ 母国親族連絡先 ・ Family Contact number in the home country ・ 母国亲属（家族或亲戚）的联络方式 ・ 모국친족(가족이나 친척)의연락처 ・ Số điện thoại của người thân trong gia đình tại mẫu quốc ・ Número de telefone de familiar para contato no país de origem	続柄 ・ Relationship with customer ・ 关系 ・ 친족관계 ・ Quan hệ thân nhân ・ Grau de parentesco ③
・ 母国親族連絡先 ・ Family Contact number in the home country ・ 母国亲属（家族或亲戚）的联络方式 ・ 모국친족(가족이나 친척)의연락처 ・ Số điện thoại của người thân trong gia đình tại mẫu quốc ・ Número de telefone de familiar para contato no país de origem	電話番号 ・ Phone number ・ 电话号码 ・ 전화번호 ・ Số điện thoại ・ N° do telefone ④ ()

- ※母国にお住まいのご親族の連絡先をお書きください。緊急時に連絡する場合がございますので、お間違いのないよう記入してください。
- ※ Please provide any relative's contact number who is living in your home country. Make sure that the number is correct since we might use it for emergency cases.
- ※ 请填写住在母国的亲属的联络方式。紧急情况时有可能联系,所以请务必正确填写。
- ※ 모국에 계시는 친척가족의 연락처를 기입하십시오. 긴급사항일 경우 모국으로 직접 연락할 경우도 있기때문에 반드시 정확한 정보를 기입하십시오.
- ※ Xin hãy cung cấp số điện thoại của một người thân trong gia đình đang sinh sống tại Việt Nam. Mong bạn viết số điện thoại chính xác vì chúng tôi có thể sẽ cần liên lạc cho họ trong trường hợp khẩn cấp.
- ※ Queira nos informar o número de telefone de contato do país de origem. Queira informar corretamente, entraremos em contato em casos de emergência.